TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 95/2023/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 27 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 149/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Xóm ĐM, xã QK, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Trần Văn B1, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Xóm ĐM, xã QK, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị B và anh Trần văn B1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Trần Văn B1 thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Trần Thị B và anh Trần Văn B1 đều xác 02 con chung là Trần Văn Thuận, sinh ngày 23/7/2015 và Trần Thị Ly, sinh ngày 22/4/2018. Khi ly hôn anh Trần Văn B1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02

con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Chị Trần Thị B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Việc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Văn B1 tự nguyện không yêu cầu chị Trần Thị B cấp dưỡng nuôi con chung và được chị B đồng ý.

2.3. Về tài sản chung, về các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị Trần Thị B và anh Trần Văn B1 đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị B tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006140 ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Trần Thị B được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Định Hoá;
- UBND xã Nghĩa Tá, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn;

(ĐKKH số 05, ngày 30/3/2015)
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Hồng Khánh